BẢNG 8
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN HÓC MÔN

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	NGUYỄN THỊ THẢNH	ĐẶNG THÚC VỊNH	KÊNH TRẦN QUANG CƠ	17,100
2	BÀ ĐIỂM 12	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ GIỮ	14,900
3	BÀ ĐIỂM 2	NGUYỄN THỊ SÓC	ĐƯỜNG LIÊN XÃ BÀ ĐIỂM-XUÂN THỚI THƯỢNG	14,900
4	BÀ ĐIỂM 3	NGUYỄN THỊ SÓC	NGÃ 3 ĐƯỜNG LIÊN XÃ XUÂN THỚI THƯỢNG	17,100
5	BÀ ĐIỂM 5	NGUYỄN ẢNH THỦ	PHAN VĂN HỚN	22,100
6	BÀ ĐIỂM 6	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUỐC LỘ 22	21,100
7	NGUYỄN THỊ HUÊ	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUỐC LỘ 22	26,300
8	THÁI THỊ GIỮ	PHAN VĂN HỚN	QUỐC LỘ 22	18,100
9	BÀ TRIỆU	QUANG TRUNG	NGÃ 4 GIẾNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	36,200
10	BÙI CÔNG TRỪNG	CẦU VÕNG	NGÃ 3 ĐỒN	22,900
11	BÙI VĂN NGỮ	NGÃ 3 BẦU	NGUYỄN ẢNH THỦ	24,900
12	ĐẶNG CÔNG BỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		18,500
13	ĐẶNG THÚC VỊNH	NGÃ 3 CHÙA	NGÃ 4 THỚI TỨ	27,500
		NGÃ 4 THỚI TỨ	CẦU RẠCH TRA (GIÁP HUYỆN CỦ CHI)	24,000
14	ĐỖ VĂN DẬY	LÒ SÁT SINH CŨ	CẦU XÁNG	22,800
		CẦU XÁNG	NGÃ 3 LÁNG CHÀ (GIÁP HUYỆN CỦ CHI)	18,500
15	ĐỒNG TÂM	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUỐC LỘ 22	15,800
16	DƯƠNG CÔNG KHI (ĐƯỜNG LIÊN XÃ TÂN HIỆP -TÂN THỚI NHÌ-XUÂN THỚI THƯỢNG-VĨNH LỘC)	NGÃ 3 ÔNG TRÁC	NGÃ 4 HỒNG CHÂU-QUỐC LỘ 22	22,100
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	PHAN VĂN HỚN	20,000
		PHAN VĂN HỚN	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	16,000
17	ĐƯỜNG SONG HÀNH QUỐC LỘ 22	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÝ THƯỜNG KIỆT	32,300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	30,300
18	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 18	LÊ THỊ LƠ (HẠT ĐIỀU HUỲNH MINH)	HƯƠNG LỘ 60 (NGÃ TƯ NGƠI)	12,200
19	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẤN TÂN HIỆP	DƯƠNG CÔNG KHI	12,200
20	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 15	LÊ THỊ LƠ	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	12,200
21	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 31	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	12,200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
22	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẤN TÂN HIỆP	DƯƠNG CÔNG KHI (NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP)	12,200
23	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 7	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	LÊ THỊ LƠ	12,200
24	ĐƯỜNG TRẦN KHẮC CHÂN NỐI DÀI	RẠCH HÓC MÔN	TRẦN THỊ BỐC	22,100
25	HƯƠNG LỘ 60 (LÊ LỢI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	DƯƠNG CÔNG KHI	36,000
26	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		47,000
27	LÊ THỊ HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		40,000
28	LÊ VĂN KHƯƠNG	CẦU DỪA	ĐẶNG THÚC VỊNH	26,400
29	BÙI THỊ LỪNG	TRẦN KHẮC CHÂN NỐI DÀI	TRỊNH THỊ MIẾNG	17,200
30	NGUYỄN THỊ SÁU	TRẦN THỊ BỐC	NGUYỄN THỊ NGÂU	17,200
31	NGUYỄN THỊ NGÂU	ĐẶNG THÚC VINH	ĐỖ VĂN DẬY	17,200
32	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		41,700
33	NAM LÂN 4 (BÀ ĐIỂM)	BÀ ĐIỂM 12	NAM LÂN 5	17,500
34	NAM LÂN 5 (BÀ ĐIỂM)	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ GIỮ	17,500
35	NGUYỄN ẢNH THỦ	PHAN VĂN HỚN	QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	56,600
		QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	TÔ KÝ	66,900
		TÔ KÝ	PHƯỜNG HIỆP THÀNH - QUẬN 12	51,500
36	NGUYỄN THỊ SÓC	NGUYỄN ẢNH THỦ	NGÃ 3 QUỐC LỘ 22	26,300
37	NGUYỄN THỊ THỬ	NGUYỄN VĂN BỨA (TỈNH LỘ 9)	PHAN VĂN HỚN (TỈNH LỘ 14)	18,000
38	NGUYỄN VĂN BỨA	NGÃ 4 HÓC MÔN	PHAN VĂN HỚN (TỈNH LỘ 14)	37,500
		PHAN VĂN HỚN	GIÁP TỈNH LONG AN	28,900
39	VÕ THỊ ĐẦY	CẦU BÀ MỄN	ĐƯỜNG NHỊ BÌNH 8	10,100
40	NHỊ BÌNH 3	Đ. BÙI CÔNG TRỪNG	SÔNG SÀI GÒN	13,500
41	NHỊ BÌNH 8	Đ. BÙI CÔNG TRỪNG (NGÃ 3 CÂY KHẾ)	GIÁP ĐƯỜNG NHỊ BÌNH 2	11,100
42	NHỊ BÌNH 9	Đ. BÙI CÔNG TRỪNG (BÊN HÔNG ỦY BAN XÃ)	SÔNG SÀI GÒN	11,100
43	NHỊ BÌNH 9A	NHỊ BÌNH 9	NHỊ BÌNH 8	11,100
44	PHẠM VĂN SÁNG	TỈNH LỘ 14 XUÂN THỚI THƯỢNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	17,500
45	PHAN VĂN ĐỐI	PHAN VĂN HỚN	CẦU SA (GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH)	24,900
46	PHAN VĂN HỚN	QUỐC LỘ 1A	TRẦN VĂN MƯỜI	33,700
		TRẦN VĂN MƯỜI	NGUYỄN VĂN BỨA	31,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
47	QUANG TRUNG	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	49,000
48	QUỐC LỘ 1	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	CẦU BÌNH PHÚ TÂY	41,300
49	QUỐC LỘ 22	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	51,300
		NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	NGÃ 4 HỒNG CHÂU	33,800
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	CẦU AN HẠ (GIÁP HUYỆN CỦ CHI)	26,100
50	HUỲNH THỊ MÀI	DƯƠNG CÔNG KHI	DƯƠNG CÔNG KHI	16,800
51	TÂN HIỆP 14-32	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 32 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4 NỐI DÀI	13,500
52	TÂN HIỆP 6	DƯƠNG CÔNG KHI	HƯƠNG LỘ 60	13,500
53	TÂN HIỆP 8	Đ RỖNG BANG (CHÙA CÔ XI)	HƯƠNG LỘ 65	13,500
54	THỚI TAM THÔN 13	TRỊNH THỊ MIẾNG	PHẠM THỊ GIÂY	23,800
55	LÊ THỊ LƠ	NGÃ 3 CÂY DONG	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 6	16,800
56	TÔ KÝ	NGUYỄN ẢNH THỦ	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	47,800
57	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		42,700
58	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		26,600
59	TRẦN VĂN MƯỜI	NGÃ 4 GIẾNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	PHAN VĂN HỚN	19,600
60	TRỊNH THỊ MIẾNG (ĐƯỜNG TRUNG CHÁNH-TÂN HIỆP)	BÙI VĂN NGỮ (NGÃ 3 BẦU)	NGUYỄN THỊ NGÂU	32,400
61	TRUNG ĐÔNG 11 (THỚI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T2	9,200
62	TRUNG ĐÔNG 12 (THỚI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T1	9,200
63	TRUNG ĐÔNG 7 (THỚI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGÂU	CẦU ĐỘI 4	8,600
64	TRUNG ĐÔNG 8 (THỚI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGÂU	RẠCH HÓC MÔN	8,600
65	TRUNG MỸ	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÊ THỊ HÀ	15,800
		LÊ THỊ HÀ	QUỐC LỘ 22	15,800
66	TRƯNG NỮ VƯƠNG	QUANG TRUNG	TRẦN KHẮC CHÂN	50,900
		TRẦN KHẮC CHÂN	LÒ SÁT SINH	40,600
67	TUYẾN 9 XÃ THỚI TAM THÔN	ĐẶNG THÚC VỊNH	NGUYỄN THỊ NGÂU	23,600
68	LIÊN XÃ THỊ TRẤN - THỚI TAM THÔN	NGÃ 3 CHÙA	LÊ THỊ HÀ	20,700
69	PHẠM THỊ GIÂY	TÔ KÝ	NGUYỄN THỊ THẢNH	27,100
70	TRỊNH THỊ DỐI	NGUYỄN ẢNH THỦ	ĐẶNG THÚC VỊNH	17,100
71	VÕ THỊ HỒI	QUỐC LỘ 22	KÊNH TIÊU LIÊN XÃ	19,800
72	TRƯƠNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		15,300
73	NHỊ BÌNH 7	VÕ THỊ ĐẦY	RẠCH BÀ HỒNG	15,300
74	NHỊ BÌNH 15	TRỌN ĐƯỜNG		10,700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
75	NHỊ BÌNH 14	BÙI CÔNG TRỪNG	SÔNG SÀI GÒN	11,500
76	NHỊ BÌNH 5	NHỊ BÌNH 3	RẠCH BÀ MỄN	10,700
77	NHỊ BÌNH 2+12	NHỊ BÌNH 8	BÙI CÔNG TRỪNG	20,700
78	NHỊ BÌNH 16	BÙI CÔNG TRỪNG	SÔNG SÀI GÒN	19,200
79	NHỊ BÌNH 17	BÙI CÔNG TRỪNG	SÔNG SÀI GÒN	19,200
80	NHỊ BÌNH 18	BÙI CÔNG TRỪNG	RẠCH RỖNG GÒN	15,300
81	NHỊ BÌNH 19 + HẠI BỊCH 2	BÙI CÔNG TRỪNG	RẠCH ÚT HOÀNG	15,300
82	THỚI TAM THÔN 7	TRỊNH THỊ MIẾNG	TRẦN THỊ BỐC	23,000
83	THỚI TAM THÔN 15-16	TRỊNH THỊ MIẾNG	NGUYỄN THỊ THẢNH	23,000
84	TÂN HIỆP 16	TÂN HIỆP 18	ĐỖ VĂN DẬY	23,000
85	TÂN HIỆP 17	TÂN HIỆP 18	LIÊN XÃ THỊ TRẤN - TÂN HiỆP	23,000
86	TÂN HIỆP 25	TRỌN ĐƯỜNG		23,000
87	TÂN HIỆP 39+40	TRỌN ĐƯỜNG		23,000
88	TÂN HIỆP 41	TRỌN ĐƯỜNG		23,000
89	TÂN HIỆP 47	TÂN HIỆP 18	RANH THỊ TRẤN	23,000
90	BÀ ĐIỂM 1	NGUYỄN THỊ SÓC	NGÃ 5 BĐ-XTT -XTĐ	9,500
91	BẮC LÂN 2	NGUYỄN THỊ SÓC	BÀ ĐIỂM 3	9,500
92	BẮC LÂN 3	TRỌN ĐƯỜNG		9,500
93	TÂY BẮC LÂN	BẮC LÂN 3	KÊNH T1	9,500
94	ĐÔNG HƯNG LÂN	QUỐC LỘ 22	GIÁP BẾN XE AN SƯƠNG	12,200
95	TRUNG LÂN 4	TRUNG LÂN 3	BÀ ĐIỂM 10	7,700
96	BÀ ĐIỂM 10	PHAN VĂN HỚN	THÁI THỊ GiỮ	7,700
97	BÀ ĐIỂM 11	THÁI THỊ GiỮ	GIÁP BẾN XE AN SƯƠNG	7,700
98	TIỀN LÂN 12	TRỌN ĐƯỜNG		11,500
99	TIỀN LÂN 13	QUỐC LỘ 1 A	KHU VIỆT TÂN	11,500
100	TIỀN LÂN 14	PHAN VĂN ĐỐI	TIỀN LÂN 13	11,500
101	TIỀN LÂN 15	QUỐC LỘ 1	RẠCH CẦU SA	11,500
102	BÀ ĐIỂM 9	NGUYỄN THỊ HUÊ	TRUNG LÂN 4	9,200
103	BÀ ĐIỂM 4	NGUYỄN THỊ SÓC	TRƯỜNG BÙI VĂN NGỮ	10,000
104	ĐÔNG THẠNH 7	TRỊNH THỊ DỐI	CẦU BẾN ĐÁ	11,500
		CẦU BẾN ĐÁ	RANH QUẬN 12	7,700
105	NGUYỄN THỊ PHA	ĐẶNG THÚC VỊNH	TRỊNH THỊ DỐI	19,200
106	ĐÔNG THẠNH 4	ĐẶNG THÚC VỊNH	TRỊNH THỊ DỐI	23,000
107	ĐÔNG THẠNH 5	ĐẶNG THÚC VỊNH	TRỊNH THỊ DỐI	19,200
108	ĐÔNG THẠNH 6	ĐÔNG THẠNH 4	TRỊNH THỊ DỐI	19,200
109	ĐÔNG THẠNH 8	LÊ VĂN KHƯƠNG	ĐÔNG THẠNH 7	15,300
110	NHỊ BÌNH 26	BÙI CÔNG TRỪNG	NHỊ BÌNH 5	15,300
111	GIÁC ĐẠO	TRUNG MỸ - TÂN XUÂN	THƯƠNG MẠI	23,000
112	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 1	TÔ KÝ	TRUNG MỸ	23,000
113	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 2	TRUNG MỸ	ĐỒNG TÂM	23,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
114	THIÊN QUANG	TÔ KÝ	TRUNG MỸ	23,000
115	NGUYỄN THỊ NUÔI	QUỐC LỘ 22	LÊ LỢI	15,300
116	NGUYỄN THỊ ĐÀNH	NGUYỄN VĂN BỨA	DƯƠNG CÔNG KHI	11,500
117	LÊ THỊ HỒNG GẤM	QUỐC LỘ 22	LÊ THỊ HỒNG GẤM	13,800
118	NGUYỄN THỊ LY	TRỌN ĐƯỜNG		13,800